

Số: 53 /2025/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại các Văn bản số 156/TTr-SXD ngày 03 tháng 11 năm 2025, số 3286/SXD-KCHT ngày 25 tháng 11 năm 2025 và số 3656/SXD-KCHT ngày 09 tháng 12 năm 2025, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại các Văn bản số 177/BC-STP ngày 19 tháng 6 năm 2025 và số 990/STP-XD&TDTHPL ngày 27 tháng 10 năm 2025, ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia công tác cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quy định về xác định các khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy

1. Khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông phục vụ chữa cháy là khu vực đô thị có hệ thống giao thông không đáp ứng một trong các yêu cầu:

a) Chiều rộng thông thủy của đường giao thông tiếp cận công trình nhỏ hơn 3,5m, không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại điểm 6.2.1.1 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BXD ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

b) Bề rộng mặt đường không đủ cho xe chữa cháy có thể tránh nhau theo quy định tại điểm 6.5 QCVN 06:2022/BXD kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BXD;

c) Không có khả năng bố trí bãi quay xe chữa cháy tại cuối tuyến đường cắt có chiều dài vượt quá 46m, không đáp ứng quy định tại điểm 6.2.5 QCVN 06:2022/BXD kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung tại điểm 6 Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BXD ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

d) Các kết cấu chặn phía trên của đường cho xe chữa cháy và bãi đỗ xe chữa cháy không đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại điểm 6.2.1.3 QCVN 06:2022/BXD.

2. Khu vực đô thị không bảo đảm nguồn nước phục vụ chữa cháy là khu vực không có, hoặc có nhưng không đáp ứng một trong các yêu cầu:

a) Không bảo đảm lưu lượng, áp lực, vị trí nguồn nước ngoài nhà, áp suất tự do tối thiểu theo quy định tại điểm 5.1.1.4 và điểm 5.1.2 QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD;

b) Khoảng cách giữa các trụ nước chữa cháy không đáp ứng yêu cầu theo điểm 5.1.4.7 QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.

3. Khu vực đô thị không có khả năng cải tạo, chỉnh trang là khu vực hiện hữu không thể đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này do các điều kiện khách quan, bao gồm:

a) Mật độ xây dựng thuần từ 80% trở lên, không còn quỹ đất trống để mở rộng đường giao thông hoặc bố trí hệ thống cấp nước;

b) Các tuyến đường tiếp cận có chiều rộng mặt đường nhỏ hơn 3,5m, kéo dài liên tục, không thể mở rộng do bị giới hạn bởi các công trình xây dựng hiện hữu đã ổn định từ nhiều năm;

c) Không có khả năng bố trí bãi quay xe chữa cháy; đoạn đường mở rộng; bồn, bể trữ nước cho chữa cháy ngoài nhà; hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà.

Điều 3. Quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy

1. Đối với khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông phục vụ chữa cháy

a) Trường hợp khu vực có khả năng cải tạo, chỉnh trang: thực hiện cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống đường giao thông tiếp cận công trình đảm bảo phù hợp với yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại điểm 6.2 QCVN 06:2022/BXD kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung tại điểm 6 Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BXD, trong đó chú trọng:

- Bảo đảm chiều rộng thông thủy của đường giao thông từ 3,5m trở lên;
- Khả năng tiếp cận của phương tiện chữa cháy;
- Bố trí bãi quay xe đối với tuyến đường cụt có chiều dài >46m.

b) Trường hợp đường tiếp cận có chiều rộng nhỏ hẹp, thực hiện nâng cấp hoặc bố trí các đoạn đường mở rộng chịu được tải trọng tối thiểu cho xe chữa cháy và phương tiện khác lưu thông, đảm bảo yêu cầu tại điểm 6.5 QCVN 06:2022/BXD kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BXD.

c) Trường hợp không đủ điều kiện cải tạo hoặc mở rộng tuyến đường:

- Tổ chức bố trí bổ sung các lối ra thoát nạn, lối ra khẩn cấp;
- Tăng cường các giải pháp phòng cháy chủ động, như: sử dụng vật liệu chống cháy, hệ thống báo cháy sớm, chữa cháy bán tự động hoặc tự động;

- Tổ chức lực lượng chữa cháy tại chỗ, thường xuyên huấn luyện, bố trí phương tiện chữa cháy ban đầu, dụng cụ cứu nạn cứu hộ đơn giản và dễ vận hành;
- Rà soát, huấn luyện, tuyên truyền định kỳ cho cộng đồng dân cư về kỹ năng thoát nạn và chữa cháy ban đầu.

2. Đối với khu vực đô thị không bảo đảm nguồn nước phục vụ chữa cháy

a) Trường hợp khu vực chưa có hệ thống cấp nước chữa cháy: bố trí bồn hoặc bể trữ nước chữa cháy ngoài nhà theo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại điểm 5.1.5 QCVN 06:2022/BXD kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung tại điểm 5 Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BXD, bảo đảm lưu lượng, dung tích và khả năng tiếp cận phương tiện chữa cháy;

b) Trường hợp khu vực đã có mạng lưới cấp nước nhưng chưa bảo đảm lưu lượng, áp lực, áp suất tự do tối thiểu: Bố trí các họng lấy nước chữa cháy phù hợp khoảng cách theo quy định tại điểm 5.1.4.7 QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD, bảo đảm áp suất tự do theo quy định tại điểm 5.1.1.4 và lưu lượng nước theo quy định tại điểm 5.1.2 QCVN 06:2022/BXD.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh tổ chức hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định, phê duyệt các dự án, phương án cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

c) Xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; trường hợp vượt thẩm quyền, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

2. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn triển khai Quyết định này theo đúng quy định pháp luật.

b) Định kỳ tổ chức kiểm tra hạ tầng kỹ thuật liên quan đến phòng cháy và chữa cháy tại các khu vực đô thị theo quy định tại Điều 3 Quyết định này và pháp luật có liên quan.

c) Tham gia ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy đối với các dự

án, phương án cải tạo, chỉnh trang các khu vực đô thị không bảo đảm theo thẩm quyền.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Công an tỉnh và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang các khu vực đô thị không bảo đảm theo quy định pháp luật.

b) Hướng dẫn các địa phương quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cải tạo, chỉnh trang theo đúng quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn quản lý.

b) Rà soát, lập danh sách các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy; báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Lập kế hoạch, lộ trình thực hiện việc cải tạo, chỉnh trang các khu vực đô thị không bảo đảm theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

d) Bố trí nguồn lực và huy động các nguồn vốn hợp pháp để tổ chức thực hiện.

đ) Báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai cải tạo, chỉnh trang gửi về Sở Xây dựng.

5. Các đơn vị cấp nước

a) Kiểm tra, rà soát hệ thống cấp nước đô thị, bảo đảm lưu lượng, áp lực và khả năng khai thác nguồn nước phục vụ chữa cháy phù hợp theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này;

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc cải tạo, nâng cấp hoặc bổ sung hệ thống cấp nước chữa cháy tại các khu vực đô thị không bảo đảm.

6. Các tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Đối với các dự án cải tạo, chỉnh trang các khu vực đô thị, phải bảo đảm tuân thủ các quy định tại Quyết định này và pháp luật về phòng cháy, chữa cháy;

b) Tổ chức thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng cháy và chữa cháy trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo quy định pháp luật.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2026

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế, Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐDBQH tỉnh và HĐND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học Quảng Ngãi;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- VPUB: PCVP, các P.Ng/cứu;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD.HVL. *hvl*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Công Hoàng